

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: 08 /2019/QĐ-UBNDVĩnh Phúc, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành điều kiện, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, điều kiện xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG T. VĨNH PHÚC

Số: 489Ngày 15.02.2019

Chuyên:

Lưu hồ sơ:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 18/TTr-SNN&PTNT ngày 23/01/2019 và Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 237/BC-STP ngày 11/12/2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành điều kiện, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, điều kiện xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2020 như sau:

1. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
 - Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.
 - 100% các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn (cụ thể các tiêu chí tại Phụ biểu 01 kèm theo Quyết định này).
 - Có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu khi đạt 09 tiêu chí sau:

Giao thông, Nhà ở, Vườn hộ, Hộ nghèo, Văn hóa, Giáo dục, Y tế, Vệ sinh môi trường, Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội (cụ thể các tiêu chí tại Phụ biểu 02 kèm theo Quyết định này).

3. Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Có tối thiểu 40% số thôn trong xã đạt chuẩn thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đạt 04 nhóm tiêu chí: Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo; Giáo dục - Y tế - Văn hóa; Môi trường và An ninh trật tự - Hành chính công được quy định tại Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành; Ban Chỉ đạo, UBND cấp huyện; Ban Chỉ đạo, UBND các xã.

1. Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách nội dung, tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới; căn cứ điều kiện thực tế của tỉnh, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2020; đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện đối với các nội dung, tiêu chí và chỉ tiêu được giao phụ trách theo yêu cầu và định kỳ 06 tháng, 01 năm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan:

Tham mưu Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu, xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2020; phối hợp với các sở, ngành đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện; tổ chức thực hiện xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

3. Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và chỉ đạo, triển khai kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020.

4. Ban Chỉ đạo, UBND các xã: Sau khi đã đạt chuẩn nông thôn mới, tiến hành xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thôn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

th

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/02/2019.

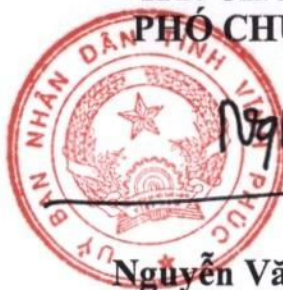
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Bí thư, Chủ tịch UBND các xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /S

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ TW các Chương trình MTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;
- TT TU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin GTĐT tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Chương trình XD NTM tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, NN3.

(TAT- 75 b) %

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước

PHỤ BIỂU 01
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
			Trung du, miền núi	Đồng bằng
1	Phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân	1.1. Phát triển sản xuất: Đạt một trong các điều kiện sau:		
		a) Giá trị sản xuất bình quân/ha đất sản xuất (bao gồm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản) theo giá thực tế.	Năm 2018: $\geq$ 90 triệu	Năm 2018: $\geq$ 120 triệu
			Năm 2019: $\geq$ 100 triệu	Năm 2019: $\geq$ 130 triệu
			Năm 2020: $\geq$ 110 triệu	Năm 2020: $\geq$ 140 triệu
		b) Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (theo giá so sánh 2010) tăng trưởng $\geq$ 10 % so với năm trước.	Đạt	Đạt
		c) Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến đạt tiêu chuẩn an toàn hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ đạt doanh thu tối thiểu 01 tỷ đồng/năm (đối với trồng trọt) hoặc 03 tỷ đồng/năm (đối với chăn nuôi, thủy sản).	Đạt	Đạt
		d) Có mô hình sản xuất hàng hóa tập trung quy mô tối thiểu là 5 ha đối với các cây rau, hoa, quả, dược liệu; tối thiểu 10 ha trở lên đối với các loại cây trồng còn lại.	Đạt	Đạt
		1.2. Tỷ lệ vườn hộ có quy mô diện tích từ 300 m ² (đối với đồng bằng) và 500 m ² (đối với trung du, miền núi) trở lên được cải tạo và chuyển sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao đạt tối thiểu 70%.	Đạt	Đạt
		1.3. Thu nhập bình quân đầu người/năm cao gấp 1,2 lần trở lên so với quy định xã đạt chuẩn NTM (tại năm xét, đề nghị công nhận NTM nâng cao).	Năm 2018: $\geq$ 36 triệu	Năm 2018: $\geq$ 50 triệu
			Năm 2019: $\geq$ 40 triệu	Năm 2019: $\geq$ 55 triệu
			Năm 2020: $\geq$ 44 triệu	Năm 2020: $\geq$ 60 triệu
		1.4. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	$\leq$ 10%	$\leq$ 2%

2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Giao thông	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ số km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được trồng cây xanh hai bên đường.	≥80%	≥80%
		100% đường trục thôn, liên thôn; ngõ, xóm được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo theo chỉ tiêu ≥80%	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo theo chỉ tiêu 100%
		Tỷ lệ đường trục xã, trục thôn – liên thôn, ngõ, xóm có hệ thống điện chiếu sáng.	≥50%	≥80%
		Các tuyến đường trục xã, trục thôn – liên thôn, ngõ, xóm được duy tu, bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông; không có hiện tượng lấn chiếm và sử dụng lòng, lề đường trái phép.	Đạt	Đạt
		2.2. Trường học		
		Tỷ lệ các trường: Mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có ít nhất một trường mầm non hoặc tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	100 %	100 %
		2.3. Cơ sở vật chất văn hóa		
		Trung tâm Văn hóa thể thao xã, Nhà văn hóa và khu thể thao thôn được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả.	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ hàng rào bằng cây xanh hoặc phủ cây xanh tại Trung tâm văn hóa xã và Nhà văn hóa thôn.	≥ 80%	≥ 80%
3	Giáo dục & đào tạo, văn hóa	3.1. Giáo dục và đào tạo		
		Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 40 %	≥ 65 %
		3.2. Văn hóa		
		Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định.	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥ 80 %	≥ 80 %
		100% các thôn phải có Quy ước hoặc Hương ước được UBND huyện công nhận.	Đạt	Đạt
		Các thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ ở một trong các loại hình: Văn hóa, văn nghệ, thể thao duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt

4	Vệ sinh, môi trường	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	100% (≥ 55 % nước sạch)	100% (≥ 70 % nước sạch)
		Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥ 90 %	≥ 95 %
		Tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý đúng theo quy định.	≥ 75 %	≥ 80 %
		Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 85 %	≥ 90 %
		Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm luôn duy trì xanh, sạch, đẹp. Định kỳ được thu dọn vệ sinh ít nhất 02 lần/tháng.	Đạt	Đạt
5	Hệ thống chính trị, hành chính công	5.1. Hệ thống chính trị		
		Đảng bộ, chính quyền và ít nhất 01 tổ chức khác trong Hệ thống chính trị - xã hội của xã được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại ở mức cao nhất trong khung xếp loại.	Đạt	Đạt
		5.2. Hành chính công		
		100% thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử hoặc Bảng tin của UBND cấp xã.	Đạt	Đạt
		Thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính; xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đúng quy định.	Đạt	Đạt
		Số lượng lĩnh vực và thủ tục hành chính thực hiện tại bộ phận một cửa đầy đủ theo quy định.	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn hàng năm đạt 100%, trong đó 10% được giải quyết trước hạn.	Đạt	Đạt

PHỤ BIỂU 02
TIÊU CHÍ THÔN DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08 /2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1. Có 100% đường trục thôn, liên thôn; ngõ, xóm được gạch hóa, nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.	Đạt
		1.2. Có $\geq 60\%$ các tuyến đường trục thôn, liên thôn; ngõ, xóm có rãnh thoát nước mặt đường.	Đạt
		1.3. Có $\geq 50\%$ các tuyến đường trục thôn, liên thôn; ngõ, xóm được trồng cây bóng mát hoặc hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ xanh hoặc trồng hoa hai bên trục đường.	Đạt
		1.4. Có 100% các tuyến đường trục thôn, liên thôn; ngõ, xóm có hệ thống điện chiếu sáng.	Đạt
2	Nhà ở	100% nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng; đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	Đạt
3	Vườn hộ	Tỷ lệ vườn hộ được cải tạo, tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp hoặc cải tạo, chuyển sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao đạt tối thiểu 90%.	Đạt
4	Hộ nghèo	Không có hộ nghèo theo quy định.	Đạt
5	Văn hóa	1.1. Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa” tối thiểu 05 năm liên tục cho đến năm được xét, công nhận.	Đạt
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa tại năm đề nghị xét, công nhận.	$\geq 90\%$
		1.3. Có 100% các hộ gia đình thực hiện tốt quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; thực hiện nghiêm túc các quy định của địa phương và quy ước, hương ước của thôn.	Đạt
		1.4. Nhà văn hóa và khu thể thao: Có bồn hoa, diện tích cây xanh che phủ tối thiểu 25%; có 100% hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh; có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn; có hệ thống loa truyền thanh đảm bảo tất cả các hộ trong xóm có thể nghe được; có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; có tối thiểu 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao duy trì hoạt động thường xuyên.	Đạt

6	Giáo dục	1.1. Có 100%: Trẻ em 06 tuổi có đủ điều kiện sức khỏe vào học lớp 1; trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 THCS.	Đạt
		1.2. Không có học sinh bỏ học; không có học sinh vi phạm pháp luật; có và sử dụng hiệu quả quỹ khuyến học.	Đạt
7	Y tế	Có tối thiểu 01 nhân viên y tế được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Đạt
8	Vệ sinh, môi trường	1.1. Nước thải khu dân cư được thu gom và xử lý nước thải phù hợp trước khi thải vào môi trường.	Đạt
		1.2. Rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình và được thu gom, vận chuyển, xử lý.	Đạt
		1.3. Cảnh quan đường làng ngõ xóm xanh sạch đẹp, không có tình trạng vứt rác bừa bãi, cống rãnh được khơi thông đảm bảo tiêu thoát tốt; tất cả các tuyến đường được giao cho các tổ chức đoàn thể, quần chúng trong thôn quản lý; duy trì tổng vệ sinh chung trong thôn định kỳ tối thiểu 01/tuần.	Đạt
9	Hệ thống chính trị và an ninh, trật tự xã hội	1.1. Chi bộ thôn được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Đạt
		1.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.	Đạt
		1.3. An ninh trật tự được đảm bảo; không có vụ việc hình sự xảy ra.	Đạt
		1.4. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trong năm xét công nhận.	Đạt

Ghi chú:

Ngoài đạt các tiêu chí quy định nêu trên, thôn đều phải đạt các nội dung, tiêu chí của thôn theo quy định đối với xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao.